

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST

Ngày 14-6-2024

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Bùi Đức Tuyên

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đồng Thị Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên toà:** Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 132/HSST-TB ngày 10 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2001 tại H; nơi cư trú: Tổ 3, phường H1, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị T; có 02 con, lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27-7-2023 đến ngày 05-8-2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1985 tại H; nơi cư trú: Tổ 3, phường H1, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Cao Thị Hồng Ph; có 03 con, lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự số 35/2014/HSST ngày 29-7-2014 Tòa án nhân dân quận D,

xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Hủy hoại tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 11-8-2023 đến ngày 14-8-2023 chuyển tạm giam, ngày 26-01-2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Cao Thị Hồng Ph; nơi cư trú: Tổ 3B, phường H1, quận D, thành phố H; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Văn L, vắng mặt;

+ Anh Trần Văn Ch, vắng mặt;

+ Anh Trần Văn Q, có mặt;

+ Chị Lê Thị D, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D và Phạm Văn T cùng làm ở công ty TNHH Dương Bình Minh nên quen biết nhau, D thường xuyên về nhà T chơi. Nhân dịp sinh nhật nên trưa ngày 24-7-2023, D có mời Phạm Văn T, Trần Văn Ch, trú tại phường Hòa Nghĩa và một số bạn khác đi ăn tại Đồ Sơn. Sau khi ăn xong, T về nhà trước. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, D về nhà T thì thấy T đang lắp xe đạp điện ở ngoài sân, D nảy sinh ý định mua ma túy về để mời mọi người sử dụng. D gọi điện rủ Trần Văn L đến nhà T sử dụng ma túy, L đồng ý. Sau đó, D liên lạc với một người tên “Tùng Linh” để mua ma túy. D một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 51F-741.68 đến khu vực cầu Rào 2, thuộc phường A, quận D để lấy ma túy. Tại đây, D được “Tùng Linh” bán cho một gói trong đó có chứa: 02 túi nilon nước vui, 05 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine với giá 5.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D nhắn tin qua Zalo mời Trần Văn Ch đến nhà T để cùng sử dụng, Ch đồng ý. Khi D mang ma túy về nhà T tại tổ 3, phường H1, quận D, T vẫn đang lắp xe đạp điện ngoài sân. D đi vào phòng ngủ đối diện phòng khách để ma túy ở đó rồi đi vào bếp lấy một số đồ dùng phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, Phạm Văn L và Lê Thị D1 đến nhà T rồi đi thẳng vào phòng ngủ. Cùng lúc này, T đến công ty làm việc nên không biết việc D và một số người khác đến nhà mình để sử dụng ma túy. Khi L, D1 đến D lấy ma túy ra cho mọi người sử dụng. D tự rót một cốc nước vui uống, L cũng tự rót một cốc uống nước vui uống, lấy thẻ nhựa kẻ 01 đường ketamine, dùng ống nhựa hút và bẻ khoảng $\frac{1}{4}$ viên thuốc lắc uống rồi nằm ở sàn nhà. Một lúc sau Trần Văn Ch đến, Ch tự rót nước vui uống, sau đó nằm ngủ ở sàn nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày, D ngủ dậy rồi đi ra ngoài. Đến khoảng 22 giờ, D quay lại phòng lấy đĩa Ketamine tự kẻ một đường sử dụng, sau đó nằm ngủ ở sàn nhà.

Sáng ngày 25-7-2023, T đi làm về sau đó vào phòng cuối nhà ngủ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, D về nhà T và gọi điện cho L đến để tiếp tục sử dụng ma túy. Khi D cầm bình nước vui đi vào phòng ngủ thì gặp T đang ở phòng khách, D có nói cho T về việc mọi người sử dụng ma túy tại nhà T nhưng T không có ý kiến gì. D cùng L, D1 tiếp tục sử dụng ma túy, sau đó T đi vào phòng tự rót cốc nước vui uống rồi đi về phòng ngủ. Một lúc sau có T1, H (chưa xác định được lai lịch) trước đây cùng làm tàu cát với D, T1 đến chơi và cùng sử dụng ma túy. Đến 20 giờ cùng ngày có thêm Trần Văn Q sang nhà T, Q tự rót nước vui uống rồi nằm xuống sàn nhà ngủ. Sáng ngày 26-7-2023, Ch điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 51F-714.68 chở Q, D, L, D1 đi ăn sáng thì xảy ra va chạm giao thông, Ch đi về còn Q tiếp tục điều khiển xe chở D, L, D1 đi. Khi đi đến khu vực thuộc tổ 2, thị trấn An Dương, huyện Athì xảy ra va chạm giao thông và bị lực lượng Công an huyện Ađưa về trụ sở để xử lý. Tại đây các đối tượng khai nhận trước đó đã sử dụng ma túy tại nhà Phạm Văn T ở tổ 3, phường H1, quận D.

Kết luận giám định số 637/KL-KTHS ngày 30-7-2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận: 04 mẫu nước tiểu của Trần Văn Q, Trần Văn L, Lê Thị D và Phạm Văn D đều tìm thấy các chất ma túy, loại: Methamphetamine, MDMA, Ketamine và Nimetazepam.

Vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng thu giữ của Lê Thị D1, quá trình điều tra xác định không liên đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho D1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 thu giữ của Trần Văn L, quá trình điều tra xác định L sử dụng điện thoại nhắn tin để đánh bạc, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng chuyển sang vụ án Đánh bạc để điều tra; 02 điện thoại di động thu giữ của Phạm Văn D (01 nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng, 01 nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh); 01 đĩa sứ hình tròn; 02 ca thủy tinh; 03 cốc bằng thủy tinh; 01 loa cầm tay có chữ Harman/Kardon màu đen hình tròn cùng 01 dây sạc pin; 01 Chứng minh thư nhân dân và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Phạm Văn T; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Hồng Ph chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý.

Trong vụ án này, đối với Lê Thị D1 quá trình điều tra đến nay chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can; đối với Trần Văn L và 02 người đàn ông có tên T1, H (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) đã sử dụng ma túy tại nhà Phạm Văn T. Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ xác định các đối tượng nêu trên đồng phạm với Phạm Văn D, Phạm Văn T về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Đối với người có tên “Tùng Linh” đã bán ma túy cho Phạm Văn D, Cơ quan điều tra chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ nên tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn Ch, Trần Văn Q, Công an quận D đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSDK ngày 02-4-2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Phạm Văn D và Phạm Văn T về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, xét xử Phạm Văn D theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; xét xử Phạm Văn T theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D với mức án tù 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng.

[2] Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 24-7-2023, Phạm Văn D mua ma túy rồi gọi điện rủ Trần Văn L, Trần Văn Ch đến nhà riêng của Phạm Văn T để sử dụng ma túy nhưng Phạm Văn T đi làm nên không biết việc này. Ngày 25-7-2023, Phạm Văn D tiếp tục tổ chức cho Trần Văn L, Lê

Thị D1, Trần Văn Q và hai người tên H, T1 sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà riêng của Phạm Văn T ở tổ 3, phường H1, quận D, thành phố H. Phạm Văn T biết các đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng nhà mình nhưng vẫn cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung:

[3.1] Đối với Phạm Văn D có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày 24-7-2023 Phạm Văn D đã tổ chức sử dụng, đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể 02 người là Trần Văn L và Trần Văn Ch. Lần thứ hai vào ngày 25-7-2023 đã cùng Phạm Văn T tổ chức sử dụng, đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể 05 người là Trần Văn L, Lê Thị D1, Trần Văn Q và hai người tên Hân, T thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và “đối với 02 người trở lên”. Vì vậy bị cáo Phạm Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với Phạm Văn T, sáng ngày 25-7-2023, T biết và để cho các đối tượng Phạm Văn D, Trần Văn L, Lê Thị D, Trần Văn Q và hai người tên H, T1 sử dụng ma túy tại nhà mình. Do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung “đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, Phạm Văn D là người nảy sinh ý định mua ma túy về mời mọi người sử dụng, là người đi mua ma túy và rủ mọi người đến nhà T sử dụng ma túy trong hai ngày 24-7-2023 và 25-7-2023. Phạm Văn T có tham gia sử dụng trái phép chất ma túy và đồng ý cho các đối tượng khác sử dụng trái phép chất ma túy trong nhà của mình vào ngày 25-7-2023. Do đó, bị cáo Phạm Văn D có vai trò chính và cao hơn bị cáo Phạm Văn T.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn T còn tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm liên quan đến ma túy trên địa bàn quận D (có văn bản xác nhận của Cơ quan

cảnh sát điều tra công an quận D) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Phạm Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, gia đình các bị cáo D và T đều có công với cách mạng (có ông là liệt sỹ) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là tác nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo tuy không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài để các bị cáo cải tạo trở thành người tốt cho xã hội. Bị cáo Phạm Văn D là người có vai trò chính trong vụ án, cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với Phạm Văn T đã từng bị xét xử về hành vi vi phạm pháp luật và được xoá án tích, tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo là đồng phạm có vai trò không đáng kể; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có thể xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa cũng đủ tác dụng để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Điện thoại nhãn hiệu Iphone XSMax màu vàng và điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Phạm Văn D có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng L, T, Hân đang được cơ quan điều tra làm rõ theo Quyết định tách vụ án hình sự nên cần giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận D quản lý phục vụ công tác điều tra.

[9.2] 01 ca thủy tinh cao 15cm, đáy hình tròn có đường kính 09cm; 01 ca thủy tinh cao 20cm, đáy hình tròn có đường kính 14cm; 01 cốc bằng thủy tinh

đường vân lục giác cao 11cm, đường kính miệng cốc 8,5cm; 02 cốc bằng thủy tinh cao 08cm, đường kính 07cm; 01 đĩa sứ hình tròn là công cụ các bị cáo dùng sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9.3] 01 Chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Hồng Ph, 01 loa cầm tay có chữ Harman/Kardon màu đen hình tròn cùng 01 dây sạc pin là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Cao Thị Hồng Ph và 01 Chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T không là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho chị Ph và bị cáo Phạm Văn T.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn D

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D và Phạm Văn T đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Bị cáo Phạm Văn D **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt Bị cáo Phạm Văn T **05** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 8 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024).

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Giao Điện thoại nhãn hiệu Iphone XSMax màu vàng và điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Phạm Văn D cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D quản lý phục vụ công tác điều tra vụ án hình sự đối với đối tượng L, D1, T1, H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 ca thủy tinh cao 15cm, đáy hình tròn có đường kính 09cm; 01 ca thủy tinh cao 20cm, đáy hình tròn có đường kính 14cm; 01 cốc bằng

thủy tinh đường vân lục giác cao 11cm, đường kính miệng cốc 8,5cm; 02 cốc bằng thủy tinh cao 08cm, đường kính 07cm; 01 đĩa sứ hình tròn.

- Trả lại cho Phạm Văn T 01 chứng minh nhân dân và 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

- Trả lại cho chị Cao Thị Hồng Ph 01 chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Hồng Ph; 01 loa cầm tay có chữ Harman/Kardon màu đen hình tròn cùng 01 dây sạc pin.

(Các vật chứng theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 15-4-2024, giữa Công an quận D và Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Văn D và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Cơ quan Điều tra Công an quận D;
- Cơ quan THAHS quận D;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CATP H;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Trại Tạm giam CATP H;
- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi liên quan;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng